

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VN
TỈNH KH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 01 năm 2023
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN - TỈNH KH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo

. Ông Huỳnh Thái Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh KH tham gia phiên tòa:
Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị M - sinh năm: 1975; trú tại: Thôn TN 2, xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Hồ Minh D - sinh năm: 1977; trú tại: Thôn TN 2, xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29 tháng 7 năm 2022, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Hồ Minh D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 3 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh D ham mê rượu chè, cờ bạc, mỗi lần đi nhậu về là kiếm chuyện gây gổ

với chị Mỹ. Vợ chồng không có sự thấu hiểu, thông cảm và tôn trọng nhau nên thường hay cãi vã. Thời điểm sinh đứa con thứ ba, mâu thuẫn giữa chị Mỹ và anh D càng nghiêm trọng. Vợ chồng sống lạnh nhạt, hờ hững, không ai hỏi han gì đến ai. Từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Chị Mỹ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị Mỹ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Minh D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là Hồ Thị Quý M - sinh ngày 02/9/1996, Hồ Thị Quý N - sinh ngày 02/9/1999 và Hồ Minh C - sinh ngày 29/6/2003. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Hồ Minh D để trình bày ý kiến về việc chị M khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh D đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai của anh D, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị M yêu cầu ly hôn với anh Hồ Minh D - hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn TN 2, xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH. Nguyên đơn chị Phan Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Hồ Minh D đã được Tòa án nhân dân huyện VN triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị M và anh Hồ Minh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh Hồ Minh D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị M và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị M và anh D là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 05, quyển số 01

ngày 23 tháng 3 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH, nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị M thì vợ chồng chị M, anh D hiện nay không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh D đều không có mặt, chứng tỏ anh D không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị M và anh D theo chị M trình bày là do anh D ham mê rượu chè, cờ bạc; vợ chồng không hiểu, không tôn trọng nhau. Từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị M.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị M và anh Hồ Minh D có 03 (ba) con chung là Hồ Thị Quý M - sinh ngày 02/9/1996, Hồ Thị Quý N - sinh ngày 02/9/1999 và Hồ Minh C - sinh ngày 29/6/2003. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Phan Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét

[5] Về nợ chung: Chị Phan Thị M xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Bị đơn anh Hồ Minh D mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh D.

[7] Về án phí: Chị Phan Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Phan Thị M được ly hôn với anh Hồ Minh D.

2. Về con chung: Các con chung là Hồ Thị Quý M - sinh ngày 02 tháng 9 năm 1996, Hồ Thị Quý N - sinh ngày 02 tháng 9 năm 1999 và Hồ Minh C - sinh ngày 29 tháng 6 năm 2003 đã đủ 18 (mười tám) tuổi, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003577 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Tuyết Mỹ